Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

THỐNG KÊ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, GIÁO VIÊN MN

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Đơn vị	Tổng số trường	Chuẩn quốc gia	Tổng số			Chia ra												Cán bộ GVCNV				Phòng học			
							3-12 tháng			12-24 tháng		24-36 tháng		3-4 tuổi		4-5 tuổi		5-6 tuổi		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Chia ra		
				Lớp	Học sinh	Trong đó: tuyển mới	Lớp	Học sinh	Trong đó: tuyển mới	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh		CBQL	Giáo viên	Nhân viên		Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	TỔNG SỐ	458	339	8,593	188,730	7,049	5	28		315	3,517	1,980	35,172	1,996	39,498	2,142	51,549	2,155	58,966	21,779	1,597	16,821	3,361	6,242	6,091	140	11
1	Phường Châu Sơn	4	3	75	1,455	25				1	2	16	215	17	324	20	426	21	488	169	10	146	13	75	75		
2	Phường Đông A	3	2	57	1,376	26				2	29	13	227	13	297	15	396	14	427	169	11	108	50	57	55	2	
3	Phường Đông Hoa Lư	5	3	67	1,517	101				5	60	13	280	14	297	17	421	18	459	167	14	140	13	48	48		
4	Phường Đồng Văn	4	3	85	1,873	375				2	15	20	345	21	417	22	548	20	548	212	10	156	46	85	85		
5	Phường Duy Hà	4	3	81	1,641	57				1	13	22	336	18	353	22	476	18	463	200	14	140	46	80	80		
6	Phường Duy Tân	2	2	56	1,236							16	247	13	294	14	333	13	362	143	9	105	29	56	56		
7	Phường Duy Tiên	4	4	97	2,068	74				4	49	22	371	24	502	24	544	23	602	251	13	191	47	73	73		
8	Phường Hà Nam	3	3	55	1,170	80						16	231	12	245	13	314	14	380	125	15	105	5	55	55		
9	Phường Hoa Lư	18	4	415	7,545	395				15	174	101	1,511	93	1,468	101	2,075	105	2,317	1,131	88	877	166	366	361	1	4
10	Phường Hồng Quang	3	3	54	1,386							11	249	13	295	15	392	15	450	145	9	102	34	52	52		
11	Phường Kim Bảng	3	3	48	1,225	3				2	41	12	221	11	272	12	324	11	367	129	10	112	7	48	48		
12	Phường Kim Thanh	3	3	52	1,284	45				1	5	12	203	12	271	14	372	13	433	118	8	106	4	54	54		
13	Phường Lê Hồ	3	3	61	1,573	18						15	281	16	367	14	400	16	525	155	10	138	7	34	34		
14	Phường Liêm Tuyền	3	3	51	1,274	93						12	229	12	269	13	346	14	430	127	12	100	15	37	37		
15	Phường Lý Thường Kiệt	2	2	55	1,100	91				3	27	13	174	13	244	14	323	12	332	136	9	121	6	55	55		
16	Phường Mỹ Lộc	5	5	67	1,499							16	291	15	301	17	423	19	484	171	17	114	40	67	67		
17	Phường Nam Định	14	7	350	6,195	225				3	25	80	1,009	94	1,335	87	1,652	86	2,174	1,009	64	707	238	280	279	1	
18	Phường Nam Hoa Lư	5	2	147	2,917	128				6	79	34	539	36	627	36	775	35	897	330	25	282	23	88	88		
19	Phường Nguyễn Úy	3	3	55	1,359	21						14	283	12	296	15	350	14	430	130	9	117	4	25	25		
20	Phường Phù Lý	9	7	174	3,356	93	1	1		6	49	39	554	45	723	41	963	42	1,066	400	26	341	33	131	129	2	
21	Phường Phù Vân	4	1	114	1,942	11				3	34	22	351	29	415	30	522	30	620	223	10	186	27	106	103	3	
22	Phường Tam Chúc	2	2	34	750	57				3	14	8	153	7	164	7	177	9	242	96	9	80	7	25	25		
23	Phường Tam Điệp	4	4	79	1,570	7				3	35	20	306	16	276	21	477	19	476	252	16	167	69	69	69		
24	Phường Tây Hoa Lư	6	5	93	1,968	221				6	62	20	355	22	379	23	564	22	608	228	18	192	18	81	81		
25	Phường Thành Nam	2	1	38	701	2						11	137	12	161	7	173	8	230	100	7	64	29	31	30	1	
26	Phường Thiên Trường	4	2	60	1,018					2	20	15	160	15	208	13	278	15	352	155	11	110	34	54	54		
27	Phường Tiên Sơn	4	3	56	1,323	5						14	289	13	279	14	367	15	388	158	11	113	34	46	46		
28	Phường Trung Sơn	3	3	70	1,419	178				7	69	14	275	15	293	18	371	16	411	215	12	155	48	58	58		
29	Phường Trường Thi	5	4	118	2,331	52						29	445	30	471	30	672	29	743	290	22	203	65	79	79		
30	Phường Vị Khê	3	2	65	1,483	23				3	48	17	317	14	287	15	361	16	470	185	15	128	42	56	55	1	
31	Phường Yên Sơn	3	1	50	1,129	90				3	33	11	198	12	254	12	309	12	335	136	9	102	25	44	43	1	
32	Phường Yên Thắng	4	4	67	1,557	10				5	93	16	349	15	302	15	394	16	419	203	12	146	45	67	67		
33	Xã Bắc Lý	3	3	46	1,201							11	236	11	245	12	331	12	389	133	8	100	25	35	35		
34	Xã Bình An	4	4	75	1,634	18				2	21	19	315	20	392	20	462	14	444	179	13	152	14	47	46	1	
35	Xã Bình Giang	3	3	39	906	83						10	176	10	215	9	228	10	287	98	9	85	4	29	29		
36	Xã Bình Lục	3	3	49	1,231							11	240	12	278	13	326	13	387	107	9	92	6	10	10		
37	Xã Bình Minh	3	3	60	1,549	203				2	19	14	351	13	326	15	362	16	491	131	13	111	7	41	41		
38	Xã Bình Mỹ	3	3	71	1,223	20				2	21	18	234	18	261	19	349	14	358	165	15	136	14	45	45		
39	Xã Bình Sơn	3	1	41	1,059							8	164	10	237	12	297	11	361	107	10	88	9	8	8		
40	Xã Cát Thành	3	3	72	1,549	1				1	6	16	251	17	337	20	445	18	510	162	9	147	6	25	25		
41	Xã Chất Bình	2		32	610	12				3	26	6	100	7	140	6	133	10	211	78	8	68	2	32	32		
42	Xã Cổ Lễ	3	1	71	1,539					3	8	17	229	13	262	18	459	20	581	159	9	134	16	42	42		
43	Xã Cúc Phương	2		17	441	68						4	81	4	103	4	127	5	130	41	6	32	3	13	8	3	2
44	Xã Đại Hoàng	3	3	43	891	83				1	13	10	179	9	168	11	241	12	290	127	12	90	25	15	15		
45	Xã Định Hóa	3	3	43	953	65				3	34	8	155	10	200	11	272	11	292	97	8	86	3	39	33	4	2
46	Xã Đồng Thái	3	3	63	1,478	85	1	8		3	60	16	374	12	245	15	376	16	415	147	9	134	4	43	41	2	
47	Xã Đồng Thịnh	4	4	54	1,331	104				7	87	11	261	11	281	13	351	12	351	123	12	109	2	29	29		
48	Xã Gia Hưng	3		42	982	43						10	210	10	209	11	256	11	307	125	8	91	26	10	10		
49	Xã Gia Lâm	3		38	989	63				1	18	10	208	8	200	9	260	10	303	110	9	81	20	30	30		
50	Xã Gia Phong	1		26	541	131						6	109	6	111	8	154	6	167	61	9	49	3	26	26		
51	Xã Gia Trấn	3		48	1,037	17						13	217	11	197	13	318	11	305	119	10	92	17	40	40		
52	Xã Gia Tường	3		34	834	2						9	160	8	185	9	262	8	227	102	9	71	22	34	33	1	
53	Xã Gia Vân	3		71	1,286	197				2	19	17	242	16	275	18	358	18	392	165	11	134	20	34	32	2	
54	Xã Gia Viễn	3		76	1,556	159				2	23	18	250	19	375	19	440	18	468	198	16	156	26	37	36	1	

55	Xã Giao Bình	3	3	46	1,050	2				1	7	12	228	12	202	10	267	11	346	123	9	88	26	21	21		
56	Xã Giao Hòa	3	3	64	1,585							15	286	14	311	16	416	19	572	167	7	115	45	64	60	4	
57	Xã Giao Hưng	3	3	45	1,125	17				1	18	10	199	10	219	12	297	12	392	119	8	83	28	48	48		
58	Xã Giao Minh	2	2	42	1,008					2	35	9	178	9	197	11	279	11	319	112	10	77	25	22	22		
59	Xã Giao Ninh	3	3	59	1,381					1	2	14	282	15	309	14	353	15	435	165	12	110	43	35	35		
60	Xã Giao Phúc	3	3	45	1,041	14				2	28	9	166	11	228	12	302	11	317	118	8	83	27	46	46		
61	Xã Giao Thủy	4	4	78	1,665					3	33	19	320	18	344	19	473	19	495	208	14	141	53	47	47		
62	Xã Hải An	3	3	50	1,086	9				1	9	13	187	11	248	12	295	13	347	101	9	88	4	44	44		
63	Xã Hải Anh	3	3	82	2,124					7	116	16	383	19	445	20	566	20	614	202	9	150	43	62	34	28	
64	Xã Hải Hậu	5	5	118	2,534	41				5	78	27	498	27	521	30	682	29	755	303	22	221	60	112	112		
65	Xã Hải Hưng	6	6	113	2,657	127				5	54	24	479	27	563	27	737	30	824	254	21	183	50	41	41		
66	Xã Hải Quang	3	3	48	1,174	73				2	41	11	233	12	238	13	356	10	306	129	11	89	29	41	38	3	
67	Xã Hải Thịnh	3	3	58	1,378					2	11	13	259	14	275	14	358	15	475	142	9	101	32	55	55		
68	Xã Hải Tiến	5	5	97	2,339	4				6	79	20	443	22	481	25	647	24	689	234	18	171	45	49	49		
69	Xã Hải Xuân	5	5	80	2,075	160				5	54	15	342	20	489	19	522	21	668	181	15	134	32	45	45		
70	Xã Hiển Khánh	3	3	53	1,224	95				1	10	11	229	14	287	13	323	14	375	139	12	90	37	25	25		
71	Xã Hồng Phong	3	2	41	891	104				3	35	8	143	8	162	11	255	11	296	94	9	81	4	41	40		1
72	Xã Khánh Hội	3	3	43	957	45				3	23	10	140	9	202	11	309	10	283	102	10	80	12	19	12	7	
73	Xã Khánh Nhạc	2	1	41	1,067	12				4	44	8	146	9	211	10	317	10	349	88	6	80	2	29	29		
74	Xã Khánh Thiện	3	2	58	1,311	48				7	79	15	255	12	297	11	298	13	382	157	17	116	24	48	46	2	
75	Xã Khánh Trung	2	2	48	1,077	31				5	63	9	138	10	223	12	320	12	333	118	11	103	4	36	36		
76	Xã Kim Đông	2		25	616	3				2	32	5	117	6	134	6	169	6	164	54	6	46	2	25	25		
77	Xã Kim Sơn	1		31	651	101				3	29	6	100	6	114	7	188	9	220	80	10	68	2	10	10		
78	Xã Lai Thành	2	1	44	1,123	161				3	19	9	212	10	232	11	317	11	343	104	8	93	3	10	10		
79	Xã Liêm Hà	3	3	56	1,159	121				2	20	15	249	13	236	13	292	13	362	149	10	118	21	37	37		
80	Xã Liên Minh	3	3	55	1,340	19				1	14	12	225	13	269	14	409	15	423	141	8	97	36	35	34	1	
81	Xã Lý Nhân	3	2	52	1,202	6						13	236	12	279	13	311	14	376	154	9	118	27	36	36		
82	Xã Minh Tân	3	3	47	1,149	53				1	8	11	213	10	234	12	309	13	385	121	9	83	29	31	31		
83	Xã Minh Thái	3	3	63	1,615					2	17	14	297	16	329	15	438	16	534	123	10	109	4	62	62		
84	Xã Nam Đồng	2	2	39	822	6				1	7	10	169	8	163	11	231	9	252	107	9	74	24	15	15		
85	Xã Nam Hồng	3	3	49	1,206	49						12	224	11	270	14	344	12	368	148	8	105	35	49	49		
86	Xã Nam Lý	4	3	69	1,655	63						20	400	15	337	16	426	18	492	209	11	145	53	60	55	5	
87	Xã Nam Minh	3	3	61	1,407					2	30	15	268	13	299	15	364	16	446	156	11	112	33	35	35		
88	Xã Nam Ninh	3	3	60	1,233	10				1	4	14	222	13	250	15	349	17	408	162	11	117	34	59	59		
89	Xã Nam Trực	3	3	63	1,498	7				1	5	15	250	13	316	16	410	18	517	180	11	128	41	57	57		
90	Xã Nam Xang	3	3	47	1,173	17				1	22	12	227	11	259	12	334	11	331	144	9	103	32	34	34		
91	Xã Nghĩa Hưng	4	3	79	1,831	146				8	56	16	304	18	407	17	483	20	581	187	16	163	8	79	79		
92	Xã Nghĩa Lâm	3	3	45	959	218				5	42	7	137	11	190	11	261	11	329	92	8	82	2	30	26	4	
93	Xã Nghĩa Sơn	2	1	47	1,271	105				3	54	8	174	11	274	12	353	13	416	99	4	93	2	47	46	1	
94	Xã Nhân Hà	3	3	44	966	69				2	20	11	212	11	212	11	251	9	271	135	9	101	25	39	39		
95	Xã Nho Quan	5	5	64	1,540	121				1	2	15	265	16	333	14	405	18	535	186	19	136	31	55	55		
96	Xã Ninh Cường	3	3	51	1,414	10						11	272	10	267	16	403	14	472	127	8	94	25	40	40		
97	Xã Ninh Giang	3	1	65	1,512	14				1	14	14	221	15	347	16	405	19	525	132	9	117	6	30	26	3	1
98	Xã Phát Diệm	5		66	1,585	65				5	63	13	283	16	342	15	425	17	472	164	13	137	14	41	39	2	
99	Xã Phong Doanh	4	3	70	1,526	37				2	14	17	281	15	299	18	455	18	477	165	13	127	25	65	48	17	
100	Xã Phú Long	2		28	576	78						7	114	6	132	7	149	8	181	65	6	56	3	28	28		
101	Xã Phú Sơn	2		42	1,088	18						8	165	11	256	11	308	12	359	99	8	84	7	25	25		
102	Xã Quang Hưng	3	1	35	907	12						10	199	9	203	8	229	8	276	86	7	68	11	11	11		
103	Xã Quang Thiện	3		52	1,149	15				3	24	11	235	11	205	13	308	14	377	125	11	108	6	14	14		
104	Xã Quỹ Nhất	5	5	58	1,349	73				5	52	11	225	12	255	15	402	15	415	137	12	118	7	47	47		
105	Xã Quỳnh Lưu	2		30	834	109						7	157	8	195	8	240	7	242	64	6	54	4	18	18		
106	Xã Rạng Đông	3	3	106	1,396	17	2	12		10	38	22	245	22	327	25	340	25	434	143	8	131	4	21	21		
107	Xã Tân Minh	5	4	67	1,318	3				6	53	16	286	14	264	16	345	15	370	191	18	139	34	37	36	1	
108	Xã Tân Thanh	4	4	59	1,205	56				4	55	12	197	14	239	16	343	13	371	151	13	121	17	33	33		
109	Xã Thanh Bình	3	3	48	905	5						13	203	11	177	11	239	13	286	106	9	88	9	29	29		
110	Xã Thanh Lâm	3	3	61	1,476							20	387	12	261	14	375	15	453	155	9	128	18	34	34		
111	Xã Thanh Liêm	3	2	51	1,089	41				4	31	13	207	10	231	12	308	12	312	122	9	104	9	29	29		
112	Xã Thanh Sơn	3		40	1,061	97						8	173	10	217	11	316	11	355	98	12	81	5	29	29		
113	Xã Trần Thương	3	3	38	851					1	11	9	203	10	184	10	222	8	231	118	9	86	23	38	38		
114	Xã Trực Ninh	3	3	35	762		1	7		2	9	8	156	7	167	8	185	9	238	72	8	60	4	36	36		
115	Xã Vạn Thắng	3		65	1,381	111				2	27	15	256	15	275	17	404	16	419	174	8	134	32	15	8	7	
116	Xã Vĩnh Trụ	4	4	87	1,866	2				2	40	21	394	21	404	23	506	20	522	245	12	188	45	47	47		
117	Xã Vụ Bản	3	3	53	1,179	45				1	18	12	221	13	258	13	308	14	374	136	12	92	32	15	15		
118	Xã Vũ Dương	4	2	72	1,636	2				1	5	18	315	16	333	18	447	19	536	176	10	133	33	40	32	7	1
119	Xã Xuân Giang	3	3	62	1,286	1				1	3	13	222	13	246	18	377	17	438	170	13	124	33	48	48		
120	Xã Xuân Hồng	2	2	51	844					2	2	13	169	11	161	11	204	14	308	140	9	104	27	32	28	4	
121	Xã Xuân Hưng	5	5	96	1,912	16				3	43	20	320	24	400	25	547	24	602	238	18	171	49	70	68	2	
122	Xã Xuân Trường	6	6	150	3,109	46				9	95	31	563	32	586	38	849	40	1,016	397	23	293	81	106	106		

123	Xã Ý Yên	6	2	114	2,558	5				4	29	27	517	25	522	30	687	28	803	304	18	233	53	81	80	1	
124	Xã Yên Cường	4	2	71	1,864	1				2	30	14	320	18	392	18	526	19	596	190	12	140	38	71	60	11	
125	Xã Yên Đồng	3	2	66	1,746	16						12	275	16	374	18	500	20	597	178	12	125	41	37	37		
126	Xã Yên Khánh	5	5	90	2,180	39				6	73	19	403	23	472	21	592	21	640	238	22	184	32	43	41	2	
127	Xã Yên Mạc	3	2	50	1,257	18				4	62	12	270	12	256	11	318	11	351	121	12	104	5	44	44		
128	Xã Yên Mô	6	6	89	1,991	120				8	126	23	466	19	390	21	489	18	520	214	19	182	13	63	63		
129	Xã Yên Từ	3	3	69	1,693	60				4	69	16	344	16	344	17	457	16	479	159	9	146	4	44	42	2	